

VAI TRÒ VÀ VỊ THẾ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ NHẬT BẢN TRONG GIA ĐÌNH HẠT NHÂN HIỆN NAY

Nguyễn Thị Châu

Viện Ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Tóm tắt. Trong chiến tranh người Nhật coi thiết chế IE/家(nhà) cùng với “chính thể dân tộc” độc đáo của họ là điểm ưu việt giúp họ có thể tạo nên nét riêng, không giống với các quốc gia và những nền văn hóa khác trên thế giới. Ở thiết chế này, người đàn ông đóng vai trò vô cùng quan trọng, ngược lại người phụ nữ chỉ đóng vai trò thứ yếu, nhưng kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, vai trò và vị thế của người phụ nữ trong gia đình Nhật Bản đã được nâng cao, đặc biệt là ở các gia đình hạt nhân. Bài viết nhằm giới thiệu một cách khái quát về vai trò, vị thế của người phụ nữ Nhật Bản trong gia đình hiện nay cùng với sự thay đổi của nó trong xã hội đương đại.

Từ khóa: Gia đình hạt nhân, phụ nữ Nhật Bản, vai trò, vị thế, hệ thống Ie.

1. Mở đầu

Nghiên cứu về giới, vai trò và vị trí của người phụ nữ trong gia đình, xã hội là một cụm chủ đề được nhiều học giả Nhật Bản quan tâm. Trong những năm gần đây, đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến vấn đề này, tiêu biểu có Shizuko Koyama (1991), *Quy chuẩn của người vợ tốt người mẹ tốt* (良妻賢母という規範) [1] đã giới thiệu, phân tích những tiêu chuẩn người vợ tốt, mẹ tốt theo quan điểm của Nhật Bản. Murakami Ryoko (1992) với bài *Xung quanh việc tiếp dung vai trò giới của người phụ nữ* (女性の性役割受容をめぐって) [2] đã phác họa toàn những thay đổi trong vai trò của người phụ nữ Nhật Bản từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa cuối thập niên 90. Nổi tiếp chủ đề đó Ochiai Mieko (2004) trong cuốn *Cách nhìn vượt thời gian về thể chế gia đình thời hậu chiến và gia đình thế kỷ XXI* (21世紀家族へ家族の戦後体制の見方・超えかた) [3] dựa trên điều tra thực địa và phỏng vấn, khảo cứu tài liệu của các học giả trước đó, lí giải nguyên nhân thay đổi trong cấu trúc gia đình Nhật Bản từ thời hậu chiến đến ngày nay và ảnh hưởng của nó tới cấu trúc gia đình đương đại Nhật Bản. Những biến chuyển này sẽ đưa *Gia đình đi đâu* (家族はどこへいく), chính là nội dung bài viết của tác giả Sawayam Makako (2007) [4], truyền tải ở nghiên cứu. Ngoài ra sự chuyển biến này dẫn đến thay đổi quan niệm của người Nhật, hướng tới thu hẹp ranh giới bất bình đẳng trong mức lương giữa nam – nữ ở cùng một công việc, nâng cao vai trò và vị thế của người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Những thay đổi đó được Asai Yukiko (2014), phản ánh trong *Những khác biệt trong lương của nam nữ, chọn mẫu trong một số công việc và 30 năm của sự khác biệt trong thị trường lao động* (労働市場における男女差の30年—就業のサンプルセクションと男女間賃金格差) [5], thậm chí là sự lên ngôi của phụ nữ trong bầu cử, gia tăng tỉ lệ người lãnh đạo là nữ ở nội các chính phủ Nhật Bản. Đây cũng

Ngày nhận bài: 19/12/2018. Ngày sửa bài: 19/2/2019. Ngày nhận đăng: 2/4/2019.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Châu. Địa chỉ e-mail: chau.nguyenthithi@hust.edu.vn

là nội dung bài viết *Những nhà lãnh đạo là nữ giới: hướng tới sự bình đẳng nam nữ trong việc tham gia chính trị* (学歴ミスマッチの持続性に関する男女別実証分析の日蘭比較) của nhóm tác giả Horiba Akiko, Arai Risa, Ueda Akihiro (2016) [6] đề cập đến.

Hiện nay ở nước ta, những công trình nghiên cứu về gia đình Nhật Bản, đặc biệt là về vai trò, vị thế của người phụ nữ trong gia đình hạt nhân còn hiếm và không có tính hệ thống. Có thể kể đến những công trình tiêu biểu như: Mai Huy Bích (1989) với bài *Gia đình Nhật Bản ngày nay* [7] đã thông tin tới người đọc kiến thức cơ bản về gia đình Nhật Bản, các chuyên biến về cơ cấu gia đình thập niên 70 -80, khi Nhật Bản đang trong thời kỳ phát triển mạnh về kinh tế. Tác giả Trần Mạnh Cát (2004) ở cuốn *Gia đình Nhật Bản* [8] đã vẽ lên một bức tranh toàn cảnh về gia đình Nhật Bản từ Minh Trị Duy Tân đến những năm cuối của thế kỉ XX, trong đó nhấn mạnh đến vai trò, vị trí của người phụ nữ dưới nhiều góc cạnh. Tác giả Bùi Thị Bích Vân và Nguyễn Thị Ngát (2015) ở bài *Xu hướng kết hôn muộn và không kết hôn của phụ nữ Nhật Bản: Nhìn từ sự thay đổi quan niệm về hôn nhân* [9] đã chỉ ra nguyên nhân của hiện tượng phụ nữ Nhật ngày nay có khuynh hướng kết hôn muộn hoặc không kết hôn, trên cơ sở đó phân tích những thay đổi đó đã làm ảnh hưởng như thế nào đến mô hình gia đình ở Nhật Bản hiện nay. Tuy nhiên, hầu hết các công trình nghiên cứu trên mới là những nghiên cứu ban đầu, do đó tác giả dựa trên việc khảo cứu tài liệu và tham khảo những nghiên cứu đi trước, kỳ vọng chỉ ra được những điểm còn khuyết thiếu và làm rõ các nghi vấn trong các công trình nghiên cứu trước đây.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò và vị trí của người phụ nữ Nhật Bản trong gia đình hạt nhân

Cho đến hết chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống gia đình Nhật Bản vẫn được chi phối mạnh bởi quan niệm *Ie*/家 và được thừa nhận về mặt pháp lí ngay trong luật dân sự Minh Trị. Theo đó, gia đình được hiểu đơn thuần là một biểu hiện cụ thể của *Ie*, một thực hiện pháp lí, một khái niệm, một thực thể hữu hình được trao quyền trực hệ từ thế hệ này sang thế hệ khác, và *Ie* là một nhóm phức hợp gồm những người có quan hệ bà con họ hàng với nhau, do người con trưởng thừa kế, vừa thừa kế địa vị chủ *Ie*, vừa thừa kế tài sản gia đình [7; 1989: tr 90]. Quan niệm trên cho thấy trong gia đình phức hợp kiểu *Ie*, vai trò và vị trí của người đàn ông đặc biệt được coi trọng.

Luật dân sự Nhật Bản được sửa đổi sau chiến tranh đã nhanh chóng bác bỏ sự thống trị về mặt pháp lí của hệ thống *Ie* đối với các gia đình và lúc này gia tăng mạnh kiểu gia đình hạt nhân, chiếm tỉ lệ cao trong xã hội. Gia đình hạt nhân (*Kakukazoku*/核家族) được hiểu là hình thức gia đình gồm một cặp vợ chồng và con cái do họ sinh ra. Đây được coi là đơn vị mang tính nền tảng của hình thức gia đình hiện nay ở Nhật Bản. Cách hiểu này đã được nhiều nhà nghiên cứu đồng thuận và trong gia đình hạt nhân nó được chia ra thành: hộ gia đình bao gồm vợ chồng và con cái; hộ gia đình có cha đơn thân và con cái; hộ gia đình có mẹ đơn thân và con cái; hộ gia đình chỉ có cặp vợ chồng, hộ gia đình chỉ có một cá nhân- một hình thức khá biến trong xã hội hiện đại của người Nhật Bản [4; 2007]. Theo con số điều tra xã hội, theo kết quả điều tra tại các đô thị lớn cho thấy năm 1990 số hộ độc thân chiếm gần 20% tổng số hộ và tăng lên 27,6% năm 2000 (12.911.000 hộ độc thân/ tổng số 46.782.000 hộ, số hộ gia đình độc thân tăng rất nhanh từ 11.239.000 hộ năm 1995 lên 12.911.000 hộ năm 2000 [8; 2004; 108], năm 2005 tỉ lệ hộ gia đình hạt nhân chiếm 58,9% nhưng đến năm 2015 tăng đến 86,71%, đặc biệt ở những đô thị lớn như Tokyo là 93,03%, Osaka là 92,05, Kanagawa là 92,26%, Hokkaido là 90,67%. Tuy nhiên tại một số vùng lại có tỉ lệ gia đình hạt nhân thấp như tỉnh Yamakata là 67,54%, Fuikui là 72,77%, Akita là 72,84%, Niigata là 72,85%, Iwate là 74,53% [14, 2015].

Cùng với sự gia tăng gia đình hạt nhân, vai trò, vị trí của người phụ nữ trong gia đình kiểu này cũng có những chuyên biến đáng kể, được thay đổi theo các quá trình chuyển đổi của lịch sử. Khảo sát trong một số công trình nghiên cứu về phụ nữ thấy: trước thế kỷ XI, phụ nữ Nhật

Bản luôn đóng vai trò trung tâm trong gia đình, giống như nhiều xã hội mẫu hệ khác [2; 101 -103]. Bên cạnh đó, phụ nữ cũng có ảnh hưởng lớn tôn giáo và chính trị, cụ thể trong thế kỷ VII và thế kỷ VIII, một số đã trở thành Nữ hoàng như: Thiên Hoàng Suiko (推古天皇/Thôi Cổ Thiên Hoàng, 554- 628), vị nữ hoàng đầu tiên trong lịch sử Nhật Bản. Thiên Hoàng Saimei, ở ngôi hai lần, lần 1 có niên hiệu là Thiên hoàng Kōgyoku (皇极天皇, 594- 24/8/661), lần hai có niên hiệu là Thiên Hoàng Saimei (斉明天皇/ Tề Minh Thiên Hoàng, 655 - 661). Thiên Hoàng Jitō (持統天皇/ Trì Thống Thiên Hoàng, 645 -702) và cuối cùng là Thiên Hoàng Kōken, lên ngôi hai lần, lần một là năm 718 -28/8/770 với niên hiệu là (孝謙天皇/Hiếu Khiêm Thiên hoàng), lần hai với niên hiệu là Thiên hoàng Shōtoku (称徳天皇/Xung Đức Thiên Hoàng) [13; 13 -16].

Từ cuối thế kỷ thứ VI, cùng với sự du nhập của Khổng giáo, Phật giáo, xã hội Nhật Bản dần chuyển sang chế độ mới, xã hội phụ hệ, những người phụ nữ thuộc tầng lớp thượng lưu vẫn là người có học vị cao và có quyền quan trọng như: quyền thừa kế gia tài. Họ chỉ bị mất đi những quyền lợi này khi Nhật Bản chuyển sang thời kì kinh tế phong kiến, đầu thế kỉ XII.

Thời kì Edo (1600-1868) dường như xã hội phụ hệ ngày càng được củng cố và đẩy người phụ nữ vào vai trò phụ thuộc. Đến thời kì Minh Trị Duy Tân (1868-1912) và nhất là từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, vai trò và vị trí của người phụ nữ Nhật Bản ngày càng được cải thiện. Đặc biệt trong thời kỳ này do chính sách phổ cập giáo dục nên trẻ em gái có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với tri thức. Mục tiêu của chính phủ Nhật giai đoạn này là đào tạo các bé gái có thể trở thành người mẹ tốt- vợ tốt trong tương lai, tiếng Nhật là *Ryosai kembo*/良妻賢母[1;1991].

Hiến pháp Nhật Bản năm 1947 cấm phân biệt giới tính trong chính trị, kinh tế, quan hệ xã hội, đồng thời khẳng định các đạo luật được ban hành trên cơ sở bình đẳng giới tính và tôn trọng nhân phẩm của cá nhân [15]. Bộ Luật Dân sự của Nhật Bản cũng khẳng định sự bình đẳng giữa vợ và chồng, các tòa án gia đình bắt đầu can thiệp vào những vấn đề như tranh chấp tài sản và quyền nuôi con, cho thấy một sự thay đổi mới trong lòng xã hội Nhật Bản.

Đặc biệt với tầng lớp *Dankaisedai*/団塊世代 (thế hệ sinh ra sau chiến tranh), đa số các gia đình vẫn duy trì sự phân chia theo giới: chồng ra ngoài làm việc, vợ ở nhà lo công việc nội trợ, chăm sóc con cái và trong gia đình người nội tướng thường có quyền hành to lớn, chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc điều hành ngân sách gia đình, quyết định về những việc liên quan đến con cái. Nhưng từ thập niên 70, cùng với sự nâng cao về trình độ học vấn, người phụ nữ bắt đầu dần thân vào xã hội, những con người này trước đây nghỉ việc lo cho gia đình nay nay đồng loạt tái gia nhập xã hội, thoát khỏi những ràng buộc truyền thống [9; 2004, Tr 162]. Theo điều tra của Bộ lao động Nhật Bản tỉ lệ nữ làm việc trong độ tuổi từ 15 - 65 trong năm 1982 là 53,7%, năm 1992 là 58,4%, 2002 là 58,5, năm 2012 là 63,1% [5; 2014, Tr 6-7].

Cùng với việc người phụ nữ tái gia nhập xã hội là sự nâng cao về trình độ học vấn của giới này, tỉ lệ nữ thanh niên học lên đại học và cao đẳng ở Nhật ngày càng có xu hướng tăng trong thời gian gần đây. Năm 2010 là 56%, năm 2011 là 56,1% và năm 2012 là 55,6%, năm 2013 là 55,2% [16]. Họ sẽ là người gia nhập thị trường lao động bậc cao, đây là nguồn lực kế cận cho thị trường lao động nước này đang vốn bị thiếu hụt trầm trọng do già hóa dân số. Nhưng có một thực tế, sau khi kết hôn và sinh con họ đều nghỉ việc, do phải đảm nhiệm các công việc gia đình, và chỉ trở lại với công việc khi con cái đã lớn, tuy nhiên thường làm trong lĩnh vực bán thời gian.

Tái gia nhập xã hội, nâng cao tri thức góp phần giúp nâng cao vai trò và địa vị của người phụ nữ trong xã hội Nhật Bản, đặc biệt từ khi họ chính thức được quyền bỏ phiếu vào năm 1945, hầu như trong các cuộc bầu cử, số cử tri nữ luôn cao hơn cử tri nam giới, nhưng tỉ lệ phụ nữ trong nội các Nhật Bản vẫn còn rất ít. Năm 1950, phụ nữ mới chỉ có 3,4% đại diện trong quốc hội Nhật Bản và lệ này tăng không đáng kể cho tới tận năm 1986. Năm 1999, 52 năm sau kể từ khi có những nữ nghị sĩ đầu tiên, quốc hội cũng mới chỉ có 67 nữ thượng và hạ nghị sĩ, chiếm 8,9%. Trong quốc hội Nhật Bản, phần lớn những nữ nghị sĩ này chỉ nắm giữ các chức vụ cao có liên quan đến vấn đề

phụ nữ hay giáo dục, và tỉ lệ tham gia của họ vào các ủy ban và hội đồng cố vấn quốc gia đạt tỉ lệ thấp. Năm 1975 chỉ có 2,4%, đến tháng 9/1998 tăng mới chỉ đạt 18,3% [17; 2015, tr 1-2]. Tính đến năm 2014, tỉ lệ nữ trong Thượng nghị viện là 9,5% và Hạ nghị viện là 15,7% đứng hàng thứ 156 trên thế giới. Để cải thiện tình hình trên, nhiều sáng kiến được đưa ra phần đầu mục tiêu năm 2015 đạt 30% tỉ lệ nữ giới tham gia vào nội các Nhật Bản [6; 2016].

Nhưng có một thực tế là người phụ nữ Nhật Bản dù ở nhà làm nội trợ toàn thời gian hay tham gia thị trường lao động họ đều phải đảm bảo hai vai trò song song: gia đình và xã hội.

Vai trò của người vợ, người mẹ trong việc chăm sóc con cái: Ở Nhật Bản, người vợ sẽ là người chăm sóc, dạy dỗ cho con từ việc nấu ăn, đưa đón đi học, nói chuyện cùng với các con, định hướng cho con cái, bên cạnh đó họ còn phải có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ già yếu. Đây là những người phụ nữ nội trợ, dành toàn thời gian cho gia đình, và người chồng sẽ là người đi làm, đảm bảo nguồn tài chính cho gia đình, nhưng người vợ mới là người quản lý và phân phối nguồn tài chính đó. Ở Nhật Bản, làm mẹ và làm vợ được coi là một nghề của người phụ nữ, người mẹ cống hiến 100% sức lực với việc chăm sóc con cái, quan tâm việc học và lo toan việc nhà, với họ việc làm mẹ được nâng lên thành nghệ thuật, do đó không khó để hiểu tại sao phụ nữ Nhật sẵn sàng gạt bỏ sự nghiệp sang một bên để toàn tâm nuôi dạy con cái.

Với vai trò người phụ nữ trong xã hội: Họ vừa phải đảm nhận công việc gia đình vừa đi làm, góp phần chia sẻ gánh nặng tài chính cùng người chồng. Những người này chủ yếu tham gia vào hai loại hình công việc như sau: việc làm bán thời gian và những công việc làm thêm tại nhà; công việc toàn thời gian, họ thường là những người vợ sau kết hôn nhưng chưa có con hoặc con cái đã trưởng thành.

Nhưng có một thực tế hiện nay, do thay đổi trong xã hội nếu một mình người chồng đi làm khó đảm bảo được nguồn tài chính cho gia đình, để chia sẻ gánh nặng đó, phần lớn hiện nay ở các gia đình hạt nhân, hai vợ chồng đều cùng tham gia thị trường lao động. Đặc biệt khi nền kinh tế phát triển nhanh chóng, với cơ cấu ngành nghề đa dạng, tỉ lệ nữ giới có việc làm tăng cao, chiếm nhiều vị trí quan trọng mà trước đây vốn dành cho nam giới.

Theo con số điều tra của Bộ giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản, tỉ lệ làm việc của nữ giới có bằng cấp từ đại học trở lên tại Nhật Bản là năm 2012 là 67%, năm 2013 là 69% trong khi tỉ lệ trung bình của các nước OECD là 80% [11; 138]. Đặc biệt với lực lượng nữ có trình độ cao nếu như được đa dạng hóa hình thức việc làm và cân bằng thời gian hợp lí số lượng quản lý và những người có chức vụ cao trong các công ti sẽ tăng lên, kéo theo là tăng thêm nguồn lực lao động cho sự phát triển lâu dài.

Hiện tại ở Nhật Bản mặc dù Luật tiêu chuẩn lao động (*Rōdōkijinhō/労働基準法*) năm 1947 quy định phải trả mức lương bình đẳng nếu cùng một công việc (điều 4) nhưng hiện nay vẫn có sự phân biệt về giới và mức lương rất rõ, dù chính phủ Nhật đã rất nỗ lực để thu hẹp khoảng cách này. Theo thống kê của Bộ lao động, vào năm 1997, mức chênh lệch nam-nữ về lương khi mới vào công ti tương đối ít nhưng càng về sau càng tăng lên, năm 80 là 59,8%, năm 90 là 60,2%, năm 2000 là 65,5% và năm 2010 là 69,3% [5; 6- 7]. Đặc biệt sự chênh lệch lương nam nữ còn có cả ngay giữa những người phụ nữ đi làm và phụ nữ phụ thuộc, thậm chí có trường hợp có người phụ nữ không đi làm nhưng hưởng lương hưu sau cái chết của chồng còn cao hơn người phụ nữ độc thân đi làm nhiều năm. Đây là một trong những bất cập trong chính sách về lương của Nhật, và chính phủ hiện nay đang nỗ lực thu hẹp và xóa bỏ ranh giới này.

Sự chênh lệch giữa lương của nam và nữ ở Nhật Bản luôn lớn nhất trong số các nước công nghiệp phát triển. Lí do là do Nhật Bản áp dụng chế độ thâm niên, đánh giá cao những người làm việc suốt đời cho công ti. Trong khi đó, phụ nữ thường bị coi là có học vấn thấp hơn nam giới, thời gian làm việc lại ngắn hơn. Trước đây ở nước này hiếm có phụ nữ được bổ nhiệm vào các chức vụ cao trong kinh doanh và hầu như không có người được nhận trợ cấp nhà cửa hay nuôi

người phụ thuộc trong gia đình giống như các đồng nghiệp nam. Nhiều công ti hiện vẫn có quan điểm chỉ tuyển lao động nữ vào các công việc tạm thời hoặc hạng thấp vì cho rằng họ chỉ làm việc đến khi lập gia đình hoặc sinh con. Quan điểm này đã ăn sâu bén rễ và để thay đổi được nó cần nhiều thời gian và công sức nên ngay từ năm 1949, Bộ lao động Nhật Bản đã ra quy định về “Tuần lễ phụ nữ/女性週間” và năm 1998 chính thức quy định đó là ngày 10 -16/4 hàng năm và đồng thời xúc tiến giáo dục và tuyên truyền để nâng cao vị trí của phụ nữ trên phạm vi toàn quốc. Bộ lao động cũng thông báo chi tiết cho các chủ công ti, các nhân viên và những bên liên quan về *Luật bình đẳng cơ hội công ăn việc làm* cũng như nội dung các sửa đổi đối với *Luật tiêu chuẩn lao động* và *Luật nghỉ phép chăm sóc con cái và gia đình*. *Luật bình đẳng* đã được sửa đổi vào tháng 4/1999, có nội dung như sau: Cấm phân biệt đối xử đối với phụ nữ trong việc tuyển dụng, bố trí công việc, thăng chức, giáo dục – đào tạo, các chương trình phúc lợi, tuổi về hưu bắt buộc, hưu trí, và bãi miễn. Cùng năm, *Luật tiêu chuẩn lao động* cũng được sửa đổi một phần mà điểm quan trọng nhất là loại bỏ những quy định đối với nhân viên nữ về làm việc ngoài giờ, làm việc ngày nghỉ và làm việc khuya nhằm mở rộng phạm vi nghề nghiệp cho nữ giới.

Tuy nhiên, trong lần sửa này, *Luật tiêu chuẩn lao động* cũng còn tồn đọng không ít vấn đề, theo đó luật cũ không cho phép làm việc khuya để bảo vệ phụ nữ nhưng lại hạn chế công việc và cơ hội thăng tiến của họ còn luật mới bãi bỏ hạn chế trên, tạo thuận lợi về công việc cho phái nữ nhưng có thể dẫn đến khả năng phụ nữ phải làm việc quá giờ và làm việc vào ngày nghỉ, chẳng khác gì nam giới. Khi nghiên cứu về điều này cho thấy, khi áp dụng luật sửa đổi này có khả năng sẽ xảy ra tình trạng phụ nữ làm việc quá nhiều. Điển hình như cái chết vì làm việc quá nhiều dẫn đến kiệt sức của nữ phóng viên truyền hình NHK Miwa Sado, một lát cắt đại diện cho văn hóa làm việc vất vả kiệt sức lực con người tại Nhật Bản [18; 2017]. Điều này cho thấy không chỉ cần chủ trương bình đẳng nam nữ mà còn phải cải thiện điều kiện làm việc nói chung ở Nhật Bản, và nâng cao nhận thức của người dân đối với vấn đề bình đẳng giới.

Thông qua một vài phân tích trên cho thấy nếu chỉ nhìn vào những chênh lệch về tiền lương, cơ hội việc làm, tỉ lệ nữ nghị sĩ quốc hội v.v... chúng ta có thể thấy sự chênh lệch trong bình đẳng giới của phụ nữ ở Nhật Bản so với phụ nữ ở các nước khác rất lớn và chính phủ Nhật hiện nay đang nỗ lực để cải thiện tình hình. Từ chính quyền cấp Trung ương đến địa phương của Nhật đã và đang thực thi nhiều chính sách mới nhằm nâng cao vai trò và vị thế của người phụ nữ trong xã hội Nhật Bản, xóa bỏ sự bất bình đẳng giới. Cụ thể gần đây nhất, Thủ tướng Nhật Bản Shinzu Abe nỗ lực đưa “kinh tế nữ giới” đặt mục tiêu đưa một triệu phụ nữ quay trở lại công sở. Thủ tướng Abe hy vọng thúc đẩy ít nhất 54,5% phụ nữ chuyển từ các công việc bán thời gian sang toàn thời gian [9; 2016]. Tuy nhiên, những cố gắng của chính quyền sẽ chỉ là hình thức và những nỗ lực của phái nữ sẽ không hiệu quả nếu chưa thể thay đổi lối suy nghĩ đánh giá thấp phụ nữ vẫn khá phổ biến ở Nhật Bản. Để tạo nên sự thay đổi đó đòi hỏi sự tham gia của cả chính quyền, các cơ quan đoàn thể, việc giáo dục trong nhà trường, gia đình, và bản thân người dân.

3. Kết luận

Như vậy, chúng ta có thể thấy được rằng, sau Chiến tranh, phụ nữ Nhật Bản không tham gia vào xã hội mà họ thường kết hôn, trở thành những người phụ nữ của gia đình. Kết hôn, sinh con, nghỉ việc là xu hướng và công thức chung của hầu hết phụ nữ thời kì đó. Họ gánh trách nhiệm của người vợ tốt, mẹ tốt, luôn chu toàn trong việc tề gia nội trợ và chăm sóc con cái. Sự phân chia vai trò theo giới này dần được hình thành và ngày càng vững chắc trong xã hội Nhật Bản. Điều này nghĩa là, quan điểm về vai trò nội trợ của phụ nữ có gia đình, đã được xã hội thừa nhận và cả nam giới hay nữ giới đều sống dựa trên sự tuân thủ quan niệm này. Những quan điểm về gia đình, hôn nhân như “Đã là phụ nữ thì khi đến độ tuổi thích hợp phải kết hôn, sinh con” hay “Là phụ nữ có nghĩa là sẽ làm nội trợ” đã chi phối toàn bộ xã hội lúc bấy giờ. Khi ấy, kết hôn và sinh con được

xem là một lẽ tất thường của cuộc sống, cùng với đó, trở thành một bà nội trợ cũng là con đường đương nhiên cần phải đi của những phụ nữ có gia đình. Có thể trước khi kết hôn, họ là những người lao động làm việc ngoài xã hội, nhưng một khi đã có kết hôn, như một quy định từ trước, họ sẽ trở thành một bà nội trợ. Và với những phụ nữ không đảm nhận tốt vai trò của một người vợ, một người mẹ, chắc chắn họ sẽ bị xã hội phê phán [10; 69].

Tuy nhiên cùng với thời gian, quan niệm này được thay đổi, người phụ nữ dần trở lại công việc do phải chia sẻ gánh nặng kinh tế cùng người chồng và nhất là khi tỉ lệ người phụ nữ có trình độ học vấn cao đẳng, đại học ngày càng gia tăng. Những người phụ nữ trong xã hội hiện đại luôn đóng một vai trò quan trọng không chỉ trong đời sống gia đình mà còn trong đời sống xã hội. Họ là cơ sở cho một cuộc sống bền vững và hạnh phúc. Với những đóng góp và sự dâng hiến, vai trò của người phụ nữ có một ý nghĩa thiết yếu và không ai có thể thay thế được họ, do đó trong cuộc sống hiện đại, người phụ nữ có vai trò vô cùng to lớn. Đặc biệt so với trước đây, vai trò và vị trí của người phụ nữ Nhật Bản trong gia đình ngày càng được nâng cao và được xã hội thừa nhận, giúp họ từng bước khẳng định được mình trong một xã hội vốn đầy rẫy những đặc trưng riêng biệt kiểu Nhật Bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] 小山 静子, 1991年, 『良妻賢母という規範』, 勁草書房 p.5 (Shizuko Koyama, 1991. *Quy chuẩn của người vợ tốt mẹ tốt*, Nxb Keisōshobō).
- [2] 木村 凉子 (1992年), “女性の性被害受容をめくって”, 大阪大学人間科学部紀要 18 pp.101-P.115, pp.101-103 (Murakami Ryoko, 1991. “Xung quanh việc tiếp dung vai trò giới của người phụ nữ”, Kỷ yếu của Khoa nhân học đại học Osaka, Tập 18).
- [3] 落合恵美子 (2004年), 21世紀家族へ家族の戦後体制の見方・超えかた, 有斐閣 第3版 p.162 (Ochiai Mieko, 2004. *Cách nhìn vượt thời gian về thể chế gia đình thời hậu chiến và gia đình thế kỷ XXI*, Nxb Yuhikaku, xuất bản lần 3).
- [4] 沢山 美果子 助, 2007年 『家族 はどこへいく』, 青弓社, 105頁 p.105 (Sawayam Makako, 2007. *Gia đình đi đâu*. Nxb Seikyusha).
- [5] 朝井友紀子, 2014. “労働市場における男女差の 30 年 —就業のサンプルセクションと男女間賃金格差”, 日本労働研究雑誌 No 644, P 6- 16, pp.6-7 sdd (Asai Yukiko, 2014. “Những khác biệt trong lương của nam nữ, chọn mẫu trong một số công việc và 30 năm của sự khác biệt trong thị trường lao động”. Tạp chí nghiên cứu lao động Nhật Bản, số 644)
- [6] 堀場 月子, 新井 里彩, 植田 晃博, 2016. “多様性のある 政治リーダーシップへ男女平等な政治参画に向けて”, 民主主義・選挙支援国際研究所・笹川平和財団 https://www.spf.org/publication/detail_21024.html, pp.5 – 6, (Horiba Akiko, Arai Risa, Ueda Akihiro, 2016. *Những nhà lãnh đạo là nữ giới: hướng tới sự bình đẳng nam nữ trong việc tham gia chính trị*. Nxb Quỹ hòa bình Sasakawa, Viện nghiên cứu quốc tế về dân chủ và hỗ trợ bầu cử và Hội dân chủ).
- [7] Mai Huy Bích, 1989. “Gia đình Nhật Bản ngày nay”. Tạp chí Xã hội học, Số 1, Tr 90 -93.
- [8] Trần Mạnh Cát, 2004. *Gia đình Nhật Bản*. Nxb Khoa học xã hội, H.
- [9] Hương Giang, 2016. “Vì sao đa số phụ nữ Nhật ở nhà nội trợ” trên Vietnamexpress ngày 28/1/2016, <https://vnexpress.net/doi-song/vi-sao-da-so-phu-nu-nhat-o-nha-noi-tro-3349541.html>
- [10] Bùi Thị Bích Vân – Nguyễn Thị Ngát, 2015. “Xu hướng kết hôn muộn và không kết hôn của phụ nữ Nhật Bản: Nhìn từ sự thay đổi quan niệm về hôn nhân”. Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, Số 9(175), tr. 62-70.
- [11] 市川 恭子, 2016. “学歴ミスマッチの持続性に関する男女別異分析の日蘭比較”, ジェンダー研究 第19号, pp.137 – 156, p.138 sdd (Ichikawa Reiko, 2016. “Nghiên cứu so sánh phân tích thực chứng về sự

- khác biệt nam nữ liên quan tính tiếp tục trong không hợp về học vấn của Nhật - Hà Lan”. Nghiên cứu giới, Số 19, tr .137 – 156)
- [12] 清水告昭, 2018年 “日本家族論再考”, 家族社会学, Vol 099.4, pp.33- 42 (Shizumi Hiroaki, 2018. “Khảo sát lại về lý thuyết gia đình Nhật Bản”. Hội gia đình và xã hội, Vol 099.4, tr .33 -42)
- [13] 駒敏郎 (1988年), 「孝謙天皇」 『別冊歴史読本』, pp.13 – 16 (Toshio Koma (1988), Thiên Hoàng Kōken, Đọc sách lịch sử quyền riêng biệt.)
- [14] 核家族率(2015年), 第一位東京都 <https://todo-ran.com/t/kiji/11895>
- [15] “Hiến pháp Nhật Bản” phần ba Quyền và Nghĩa vụ công dân. Bản tiếng Nhật trên địa chỉ online http://www.shugiin.go.jp/internet/itdb_annai.nsf/html/statics/shiryo/dl-constitution.htm#3sho
- [16] 大学進学率: 女子 trên địa chỉ <https://nenji-toukei.com/n/kiji/10066/%E5%A4%A7%E5%AD%A6%E9%80%B2%E5%AD%A6%E7%8E%87%E5%BC%9A%E5%A5%B3%E5%AD%90>
- [17] 国立国会図書館 2015. 女性国会議員比率の動向, 調査と情報, 第883号, http://dl.ndl.go.jp/view/download/digidepo_9535004_po_0883.pdf?contentNo=1, truy cập ngày 24. 3. 2019 (Thư viện quốc gia Nhật Bản, 2015. *Khuynh hướng và tỉ lệ nữ trong Nội các chính phủ: Thông tin và điều tra*, Số 883, tr.1-2)
- [18] *Japanese woman 'dies from overwork' after logging 159 hours of overtime in a month* ngày 5/10/2017 trên The Guardian online <https://www.theguardian.com/world/2017/oct/05/japanese-woman-dies-overwork-159-hours-overtime>.

ABSTRACT

Role and position of Japanese women in nuclear families nowadays

Nguyen Thi Chau

School of Foreign Languages, Hanoi University of Science and Technology

During the war, Japanese considered the IE/家 institution (home) together with their unique “national polity” as the preeminent points that help them to create their own characteristics unlike other countries and cultures in the world. In this situation, men play an important role whereas women only play secondary role. However, since the second world war the women’s role and position in Japanese families have been enhanced, especially in nuclear families. This article aims to provide an overview of Japanese women’s role and position in families today along with its changes in the modern society.

Keywords: Nuclear family, Japanese women, role, position, rituals.